

THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, HOÀN LẠI, MIỄN GIẢM (SAU KTNN)

Từ ngày: 01/01/2019 đến ngày: 31/12/2019

Chi tiêu	Mã số	Số tiền VND	
		Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
I. Thuế GTGT được khấu trừ			
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	10.914.797.222	
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	12.482.086.829	12.482.086.829
3. Số thuế GTGT đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu trừ	12	8.973.452.098	8.973.452.098
Trong đó			
a. Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	8.789.038.968	8.789.038.968
b. Số thuế GTGT đã hoàn lại	14		
c. Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	15	184.413.130	184.413.130
d. Số thuế GTGT không được khấu trừ	16		
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ (17=10+11-12)	17	14.423.431.953	
II - Thuế GTGT được hoàn lại			
1. Số thuế GTGT được hoàn lại đầu kỳ	20		
2. Số thuế GTGT được hoàn lại phát sinh	21		
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22		
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ (23=20+21-22)	23		
III. Thuế GTGT được giảm			
1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu kỳ	30		
2. Số thuế GTGT được giảm phát sinh	31		
3. Số thuế GTGT đã được giảm	32		
4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ (33 =30+31-32)	33		
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	3.259.746.856	
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	12.684.063.942	12.684.063.942
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	8.789.038.968	8.789.038.968
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43		
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44		
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	45	4.416.463.404	4.416.463.404
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ (46=40+41-42-43-44-45)	46	2.738.308.426	

Ngày tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Hoa Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Trần Thị Đức Hậu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Kim Quang Minh